

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi từ nguồn
Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BHKĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Căn cứ Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 11/TTr-SNN-QPCTT ngày 22 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2024. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định mức hỗ trợ, trợ giúp các đối tượng bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT (Th qdqp 01-024), *gic*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 05 /2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Bình Phước)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- a) Quy định này quy định nội dung chi, mức chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Quỹ).
- b) Những nội dung không quy định tại Quy định này, được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nguyên tắc chi

1. Quỹ Phòng, chống thiên tai chỉ thực hiện chi hỗ trợ một phần chi phí về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất hoặc để ổn định cuộc sống (không phải đền bù thiệt hại).
2. Thực hiện chi hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền, hiện vật. Việc chi hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mục đích và đúng đối tượng; mức chi tối đa tùy thuộc vào khả năng cân đối nguồn Quỹ và đảm bảo không được vượt quá mức thiệt hại thực tế hoặc dự toán được duyệt.
3. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, các hộ bị ảnh hưởng do thiên tai chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai:

- a) Chi phí hỗ trợ sơ tán người dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: Các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện theo phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) phê duyệt; thống kê chi phí thực tế, báo cáo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Mức chi hỗ trợ tối đa cho người dân

khi thực hiện sơ tán là 100.000 đồng/người/ngày nhân với số ngày thực tế được sơ tán.

b) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai:

- Đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Người hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức chi theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ về quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và căn cứ vào khả năng cân đối của Quỹ.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

- Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cứu trợ các thành viên trong các hộ gia đình thiếu đói trong các đợt thiên tai: 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt thiên tai.

- Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Chi theo thực tế và khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 300.000 đồng/người/đợt thiên tai.

- Chi hỗ trợ sách vở, phương tiện học tập cho học sinh: Chi theo thực tế và khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 400.000 đồng/học sinh/đợt thiên tai.

b) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

- Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức chi theo thực tế và khả năng cân đối thu chi của Quỹ, tối đa 50.000.000 đồng trong tổng mức đầu tư 1 công trình.

- Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi theo thực tế và phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng.

c) Hỗ trợ tu sửa về nhà ở:

- Đối với nhà bị tốc mái:

+ Đối tượng là hộ gia đình có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội:

Nhà bị tốc mái dưới 30% hỗ trợ 1.000.000 đồng/căn.

Nhà bị tốc mái từ 30% đến dưới 50% hỗ trợ 4.000.000 đồng/căn.

Nhà bị tốc mái từ 50% đến 70% hỗ trợ 7.000.000 đồng/căn.

Nhà bị tốc mái trên 70% hỗ trợ 10.000.000 đồng/căn.

+ Đối tượng khác:

Nhà bị tốc mái dưới 30% không hỗ trợ.

Nhà bị tốc mái từ 30% đến dưới 50% hỗ trợ 3.000.000 đồng/căn.

Nhà bị tốc mái từ 50% đến 70% hỗ trợ 5.000.000 đồng/căn.

Nhà bị tốc mái trên 70% hỗ trợ 7.000.000 đồng/căn.

- Đối với nhà bị đổ, sập, trôi, hư hỏng nặng:

+ Đối tượng là hộ gia đình có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng/căn.

+ Đối tượng khác hỗ trợ 15.000.000 đồng/căn.

- Đối với hộ gia đình phải di dời khẩn cấp nhà ở do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

d) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

đ) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi theo tình hình thực tế và phụ thuộc vào khả năng cân đối thu chi của Quỹ.

e) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở: Mức chi theo tình hình thực tế và phụ thuộc vào khả năng cân đối thu chi của Quỹ.

f) Hỗ trợ chi phí cho người bị thương nặng do thiên tai: Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

g) Hỗ trợ chi phí mai táng cho hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai: Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

h) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa:

a) Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp.

b) Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt; tình hình thực tế và phù hợp khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện theo phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; thống kê chi phí thực tế, báo cáo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

d) Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai:

- Đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Chi theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Đối với người được hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Chi theo quy định tại Khoản 2, Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

đ) Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi theo dự toán hàng năm được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo thực tế và phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ.

g) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh:

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh hàng năm không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ, dùng để chi cho các nội dung sau:

a) Chi hỗ trợ cho Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát Quỹ và cán bộ, công chức, chuyên viên làm nhiệm vụ kiêm nhiệm của Cơ quan Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh: Mức chi hỗ trợ tùy thuộc vào nguồn kinh phí quản lý, điều hành hoạt động hàng năm của Quỹ; mức chi tối đa: 300.000 đồng/người/tháng.

b) Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh. Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành. Cụ thể:

- Tiền lương, làm thêm giờ, công tác phí và các khoản đóng góp theo lương đối với nhân viên hợp đồng.

- Chi công tác phí cho công chức kiêm nhiệm.

- Vật tư, văn phòng phẩm, nhiên liệu, thông tin, liên lạc và các dịch vụ công cộng khác.

- Mua sắm, sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thông tin tuyên truyền, tổ chức hội nghị, các hoạt động phối hợp, kiểm tra khen thưởng và chi khác phục vụ hoạt động của Quỹ.

c) Trường hợp số thu Quỹ trong năm không đạt theo kế hoạch được phê duyệt, Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh căn cứ số thu Quỹ thực tế đến ngày 31/12 của năm đó làm cơ sở để thực hiện cân đối và điều chỉnh dự toán chi không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ trước khi thực hiện Báo cáo quyết toán.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 4. Phân bổ và sử dụng Quỹ đối với cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ sử dụng Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã như sau:

1.1. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trực tiếp trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã 20%.

a) Các khoản chi hỗ trợ cho lực lượng trực tiếp thu 5%:

- Hỗ trợ xăng xe máy, vật dụng sổ tay, bút viết, các vật dụng cần thiết khác.

- Hỗ trợ thù lao cho người đi thu trực tiếp trên địa bàn cấp xã tùy thuộc vào nguồn thu tối đa: 150.000 đồng/ngày/người.

b) Các khoản chi hành chính phát sinh liên quan 3%:

- Chi hỗ trợ cho thành viên và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp xã làm nhiệm vụ hành chính liên quan đến công tác Quỹ phòng, chống thiên tai:

Mức chi hỗ trợ tùy thuộc vào nguồn kinh phí quản lý, điều hành hoạt động hàng năm của Quỹ thu được; mức chi tối đa: 300.000 đồng/người/tháng.

- Mua biên lai thu, vật tư, văn phòng phẩm, nhiên liệu, thông tin, liên lạc và các dịch vụ công cộng khác.

c) Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cấp xã 20%:

Các nội dung chi được áp dụng các khoản 1, 2, 3 Điều 3 Quy định này nhưng không được trùng lặp với các khoản đã chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp tỉnh và không vượt quá 20% tổng số thu Quỹ trên địa bàn.

d) Số tiền thu Quỹ còn lại trên địa bàn cấp xã là 72% nộp vào tài khoản của Quỹ cấp huyện.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả 72% số thu của cấp xã nộp về) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ 3%.

a) Các khoản chi hành chính phát sinh liên quan 3%:

- Chi hỗ trợ lãnh đạo, cán bộ công chức, chuyên viên Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện làm nhiệm vụ điều hành quản lý của Cơ quan Quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp huyện: Mức chi hỗ trợ tùy thuộc vào nguồn kinh phí quản lý, điều hành hoạt động hàng năm của Quỹ; mức chi tối đa: 300.000 đồng/người/tháng.

- Mua biên lai thu, vật tư, văn phòng phẩm, nhiên liệu, thông tin, liên lạc và các dịch vụ công cộng khác.

b) Các khoản chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cấp huyện 20%:

Các nội dung chi được áp dụng các khoản 1, 2, 3 Điều 3 Quy định này nhưng không được trùng lặp với các khoản đã chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp xã, cấp tỉnh. Trong trường hợp sử dụng hết các khoản thuộc 20% Quỹ, UBND cấp huyện tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ trình Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Số tiền thu Quỹ còn lại trên địa bàn cấp huyện là 77% nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

1.3 Sau khi các cấp có Báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi từ Quỹ được phân bổ và báo cáo định kỳ trước ngày 15 hàng tháng về Cơ quan Quản lý Quỹ tỉnh để theo dõi, quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền chi, điều tiết Quỹ

1. Thẩm quyền chi: Thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Các nội dung chi phát sinh hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Các địa phương, đơn vị báo cáo tình hình thiệt hại do sự cố thiên tai gây ra và chủ động sử dụng kinh phí được trích lại để thực hiện. Trường hợp vượt quá khả năng của địa phương thì tổng hợp, báo cáo đề xuất Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh, Hội đồng Quản lý Quỹ và các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chi hỗ trợ từ nguồn Quỹ của tỉnh để kịp thời tổ chức khắc phục.

3. Sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh lập thủ tục chi tạm ứng cho các địa phương, đơn vị theo đúng nội dung và kinh phí được duyệt.

Điều 6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ cấp phát, thanh quyết toán kinh phí chi Quỹ

1. Đánh giá mức độ thiệt hại, nguyên tắc thống kê, đánh giá thiệt hại.

a) Mức thiệt hại về vật chất được quy định như sau:

- Thiệt hại một phần: Là những vật chất bị giảm năng suất hoặc bị hư hỏng dưới 30%.

- Thiệt hại nặng: Là những vật chất bị giảm năng suất hoặc bị phá hủy, hư hỏng từ 30% đến dưới 50%.

- Thiệt hại rất nặng: Là những vật chất bị giảm năng suất hoặc bị phá hủy, hư hỏng từ 50% đến 70%.

- Thiệt hại hoàn toàn: Là những vật chất bị mất trắng hoặc bị giảm năng suất hoặc bị phá hủy, hư hỏng trên 70%.

b) Nguyên tắc, chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê, đánh giá thiệt hại:

Theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BHKĐT ngày 23/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Trình tự thủ tục:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai; bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, ấp, khu dân cư; Biên bản kiểm tra xác minh bị thiệt hại của từng hộ; Tờ trình đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; Văn bản

phê duyệt hỗ trợ các cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai.

b) Cấp phát và thành quyết toán:

- Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí đối với tu sửa khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai; kinh phí được hỗ trợ đột xuất để khắc phục sự cố công trình, hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra: Đối với các công trình phòng, chống thiên tai sử dụng từ nhiều nguồn vốn khác nhau, phải phân rõ các nguồn vốn được đầu tư cho công trình. Công tác phê duyệt, thanh quyết toán kinh phí đầu tư khắc phục sự cố công trình, xây dựng, sửa chữa công trình phòng, chống thiên tai được thực hiện theo các quy định hiện hành.

- Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí phục vụ tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác:

+ Cơ quan Quản lý Quỹ căn cứ vào hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt để cấp phát kinh phí.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán kinh phí phục vụ tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác từ nguồn Quỹ cấp tỉnh chuyên về địa phương.

+ Hồ sơ thanh quyết toán đối với tập huấn, diễn tập và các khoản chi khác gồm có: Dự toán được phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện, các chứng từ, hóa đơn có liên quan, danh sách chi cho lực lượng tham gia có ký nhận (kèm theo kế hoạch thực hiện).

- Thanh quyết toán kinh phí phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong thiên tai:

Hồ sơ thanh quyết toán phải đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định, Phương án phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; Quyết định huy động, điều động, trưng dụng lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền; Bảng kê xác định số lượng lực lượng tham gia, thời gian thực tế tham gia có xác nhận của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đơn vị, địa phương; Hợp đồng sử dụng phương tiện, vật tư, trang thiết bị; Bảng kê xác nhận tình trạng hư, hỏng hoặc mất phương tiện và các chứng từ có liên quan theo quy định hiện hành.

c) Thời hạn thanh, quyết toán kinh phí: Công tác thanh, quyết toán phải hoàn thành trong năm được cấp kinh phí. Các công việc chưa kịp hoàn thành trong năm do nguyên nhân khách quan, các đơn vị, địa phương báo cáo gửi Cơ quan Quản lý Quỹ tổng hợp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện. Thời gian chính lý quyết toán hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

Điều 7. Thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động, báo cáo quyết toán

1. Thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động: Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Báo cáo, phê duyệt quyết toán:

a) UBND cấp xã: Có trách nhiệm báo cáo quyết toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trước ngày 05/02 hàng năm.

b) Cơ quan Quản lý Quỹ cấp huyện: Có trách nhiệm báo cáo quyết toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt trước ngày 15/2 hàng năm.

c) Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh: Có trách nhiệm báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh trong quý I hàng năm.

3. Chế độ kế toán thực hiện theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và Thông tư 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Quản lý Quỹ:

Có ý kiến đối với Kế hoạch thu, chi; việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn Quỹ hàng năm và các nội dung khác có liên quan đến Quy chế tổ chức, hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

c) Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất và hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

d) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát, lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Khoản 3, Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

e) Hàng năm, sau khi kết thúc đợt thiên tai, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo Cơ quan Quản lý Quỹ, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện tốt công tác hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

c) Thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất và hỗ trợ báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc hoặc có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ các ngành, địa phương và đơn vị báo cáo đề xuất bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung công việc, chương trình, dự án, mức hỗ trợ, trợ giúp các đối tượng bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra đang triển khai thực hiện theo quy định trước khi ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Phước được tiếp tục áp dụng, triển khai thực hiện đến khi kết thúc./.